

Số: 341/2020/QĐST-HNGĐ

*Thuận An, ngày 11 tháng 6 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH B**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 457/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Hồ Quang K, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: 156/9 ấp S, xã T, huyện L, tỉnh V.

2. Bà Võ Thị Trung T, sinh năm 1995; địa chỉ thường trú: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đk; tạm trú: 11/15 khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh B.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Quang K và bà Võ Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh V năm 2018 ngày 25 tháng 10 năm 2018 theo giấy chứng nhận kết hôn số 90/2018.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Nay ông K và bà T xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông K và bà T có 01 con chung Hồ Ngọc Diễm Q, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2019. Ông Hồ Quang K và bà Võ Thị Trung T thống nhất sau khi ly hôn bà Võ Thị Trung T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng: Ông Hồ Quang K cấp dưỡng con chung 3.000.000 đồng/tháng. Việc cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ tháng 7/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông K và bà T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông K và bà T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Hồ Quang K và bà Võ Thị Trung T.

- Về con chung: Bà Võ Thị Trung T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Hồ Ngọc Diễm Q, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2019.

Về cấp dưỡng: Ông Hồ Quang K cấp dưỡng con chung 3.000.000 đồng/tháng. Việc cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ tháng 7/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Hồ Quang K chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), bà Võ Thị Trung T 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0046580 ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh B;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- UBND xã T, huyện L, tỉnh S (theo GCN Số 90/2018);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Danh Đại Thắng**